

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2016/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 27 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định công tác bảo trì các công trình cơ sở hạ tầng thuộc
Chương trình 135; Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân,
Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các xóm, bản đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT-UBND-NNPTNT-KHĐT-TC-XD ngày 18 tháng 11 năm 2013 của Liên bộ Ủy ban Dân tộc-Bộ Nông nghiệp và PTNT-Bộ Kế hoạch và Đầu tư-Bộ Tài chính-Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các xóm, bản đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư-Bộ Tài chính hướng dẫn lồng ghép các nguồn vốn thực hiện chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn các huyện nghèo;

Theo đề nghị của Ban Dân tộc tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định công tác bảo trì các công trình cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình 135; Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 2734/2008/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành quy định công tác bảo trì các công trình cơ sở hạ tầng bằng nguồn vốn Chương trình 135 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và nội dung quy định công tác bảo trì tại Quyết định số 1500/2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2010 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Quyết định thực hiện Chương trình 135 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; thủ trưởng các sở, ban, ngành: Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, giao thông vận tải, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học Nhà nước, Ban Dân tộc; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Xuân Ánh

**UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Công tác bảo trì các công trình cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình 135;
Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

*(ban hành kèm theo Quyết định số: 11/2016/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng tại quy định này là toàn bộ các công trình hạ tầng phục vụ lợi ích công cộng trong phạm vi xã, xóm do cấp có thẩm quyền giao cho Ủy ban nhân dân xã, hoặc nhóm cộng đồng quản lý (kể cả các công trình không đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn thuộc chương trình 135 và Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP), sau thời gian quản lý, khai thác đã bị xuống cấp, hư hỏng.

Trừ các công trình điện do điện lực địa phương quản lý; các công trình phục vụ mục đích kinh doanh dịch vụ; trụ sở Ủy ban nhân dân xã; công trình phục vụ an ninh, quốc phòng.

Điều 2. Phạm vi áp dụng

Trên địa bàn các xã, xóm thuộc diện đầu tư của Chương trình 135 và Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP (sau đây viết tắt là Nghị quyết 30a/CP) được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Bảo trì công trình xây dựng là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của công trình theo quy định của thiết kế trong quá trình khai thác sử dụng. Nội dung bảo trì công trình xây dựng có thể bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các công việc sau: Kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, bảo dưỡng và sửa chữa công trình nhưng không bao gồm các hoạt động làm thay đổi công năng, quy mô công trình.

2. Kiểm tra công trình là việc xem xét bằng trực quan hoặc bằng thiết bị chuyên dụng để đánh giá hiện trạng công trình nhằm phát hiện các dấu hiệu xuống cấp, những hư hỏng của công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình. Kiểm tra công trình gồm kiểm tra thường xuyên, định kỳ và đột xuất.

3. Quan trắc công trình là hoạt động theo dõi, đo đạc, ghi nhận sự biến đổi về hình học, biến dạng, chuyển dịch và các thông số kỹ thuật khác của công trình và môi trường xung quanh theo thời gian.

4. Kiểm định xây dựng là hoạt động kiểm tra, đánh giá chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, giá trị, thời hạn sử dụng và các thông số kỹ thuật khác của sản phẩm xây dựng, bộ phận công trình hoặc công trình xây dựng thông qua quan trắc, thí nghiệm kết hợp với việc tính toán, phân tích

5. Duy tu, bảo dưỡng công trình là các hoạt động (theo dõi, chăm sóc, sửa chữa những hư hỏng nhỏ, duy tu thiết bị lắp đặt vào công trình) được tiến hành thường xuyên, định kỳ để duy trì công trình ở trạng thái khai thác, sử dụng bình thường và hạn chế phát sinh hư hỏng công trình.

6. Sửa chữa công trình là việc khắc phục hư hỏng của công trình được phát hiện trong quá trình khai thác, sử dụng nhằm đảm bảo sự làm việc bình thường và an toàn của công trình (không thay đổi công năng sử dụng).

Phân loại theo quy mô sửa chữa gồm sửa chữa nhỏ (chi tiết của bộ phận), sửa chữa vừa (một số bộ phận), sửa chữa lớn (nhiều bộ phận hoặc hạng mục công trình).

Phân loại theo tính chất sửa chữa gồm sửa chữa định kỳ công trình bao gồm sửa chữa hư hỏng hoặc thay thế bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình bị hư hỏng được thực hiện định kỳ theo quy định của quy trình bảo trì; sửa chữa đột xuất công trình được thực hiện khi bộ phận công trình, công trình bị hư hỏng do chịu tác động đột xuất như gió, bão, lũ lụt, động đất, va đập, cháy và những tác động đột xuất khác hoặc khi bộ phận công trình, công trình có biểu hiện xuống cấp ảnh hưởng đến an toàn sử dụng, vận hành, khai thác công trình.

7. Quy trình bảo trì công trình xây dựng là tài liệu quy định về trình tự, nội dung và chỉ dẫn thực hiện các công việc bảo trì công trình xây dựng.

8. Chủ sở hữu công trình là cá nhân, tổ chức có quyền sở hữu công trình theo quy định của pháp luật.

9. Người quản lý, sử dụng công trình là chủ sở hữu trong trường hợp chủ sở hữu trực tiếp quản lý, sử dụng công trình hoặc là người được chủ sở hữu công trình ủy quyền quản lý, sử dụng công trình trong trường hợp chủ sở hữu không trực tiếp quản lý, sử dụng công trình.

10. Thôn là nơi cư trú tập trung của nhiều hộ gia đình gắn kết với nhau trong sản xuất, sinh hoạt và các hoạt động xã hội khác trong một phạm vi nhất định bao gồm xóm, làng, bản, nhóm hộ được hình thành do điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội, văn hóa và các yếu tố khác.

Điều 4. Yêu cầu chung về công tác bảo trì công trình

1. Bảo trì công trình nhằm duy trì những đặc trưng kỹ thuật, mỹ thuật và công năng công trình đảm bảo công trình vận hành, khai thác, sử dụng phù hợp với yêu cầu của thiết kế trong suốt quá trình khai thác sử dụng.

2. Công trình, hạng mục công trình xây dựng khi đưa vào khai thác, sử dụng phải được bảo trì theo Quy định này và quy định pháp luật có liên quan.

3. Việc bảo trì công trình xây dựng, thiết bị công trình phải được thực hiện theo kế hoạch bảo trì và quy trình bảo trì được phê duyệt.

4. Việc bảo trì công trình phải bảo đảm an toàn đối với công trình, người và tài sản.

Điều 5. Tổ chức, cá nhân được giao quản lý, khai thác, sử dụng công trình và trách nhiệm bảo trì công trình

1. Tổ chức, cá nhân được giao quản lý, khai thác, sử dụng công trình (gọi tắt là người quản lý sử dụng)

a) Ủy ban nhân dân xã quản lý sử dụng: Đường liên thôn; công trình thủy lợi; nhà văn hóa, sinh hoạt cộng đồng xã; trạm y tế xã; lớp tiểu học, mẫu giáo, nhà trẻ, nhà ở giáo viên và các công tương tự khác phục vụ 02 xóm trở lên thuộc địa bàn xã.

b) Tổ chức xóm quản lý sử dụng: Đường nội đồng; đường trong xóm; nhà văn hóa, sinh hoạt cộng đồng xóm; cấp, thoát nước sinh hoạt xóm và các công trình tương tự khác phục vụ sản xuất, sinh hoạt chung cho xóm đó.

c) Tổ chức, cá nhân quản lý sử dụng: Công trình, hạng mục công trình phục vụ kinh doanh dịch vụ hoặc có thu phí sử dụng. Tổ chức, cá nhân quản lý sử dụng tự chịu kinh phí bảo trì công trình.

2. Tổ chức, cá nhân được giao quản lý, khai thác, sử dụng công trình nêu tại Khoản 1 Điều này là người có trách nhiệm bảo trì công trình. Đối với công trình chưa bàn giao cho người quản lý sử dụng thì chủ đầu tư có trách nhiệm bảo trì công trình.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Trình tự thực hiện công tác bảo trì công trình

1. Lập và phê duyệt quy trình bảo trì công trình.
2. Lập kế hoạch bảo trì và tổng hợp kế hoạch vốn bảo trì.
3. Nguồn vốn bảo trì, phân bổ vốn bảo trì
4. Lập, thẩm định và phê duyệt dự toán bảo trì công trình.
5. Thực hiện bảo trì và quản lý chất lượng công việc bảo trì.
6. Tạm ứng, thanh toán vốn bảo trì
7. Quyết toán vốn bảo trì

Điều 7. Lập và phê duyệt quy trình bảo trì

1. Quy trình bảo trì phải được chủ đầu tư tổ chức lập và phê duyệt trước khi đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào khai thác, sử dụng; phải phù hợp với mục đích sử dụng, loại và cấp công trình xây dựng, hạng mục công trình, thiết bị được xây dựng và lắp đặt vào công trình. Quy trình bảo trì là cơ sở để lập kế hoạch bảo trì công trình định kỳ.

2. Việc tổ chức lập và phê duyệt quy trình bảo trì công trình thực hiện theo Điều 38, Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

3. Trường hợp có tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì hoặc có quy trình bảo trì của công trình tương tự phù hợp thì người quản lý sử dụng công trình có thể áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc quy trình đó cho công trình mà không cần lập quy trình bảo trì riêng.

4. Trường hợp công trình chưa có quy trình bảo trì, chưa xác định được tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì hoặc quy trình bảo trì của công trình tương tự phù hợp áp dụng, thì có thể tham khảo áp dụng quy trình bảo trì một số loại công trình nêu tại Phụ lục I và II ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 8. Lập kế hoạch bảo trì và tổng hợp kế hoạch vốn bảo trì

1. Lập kế hoạch bảo trì công trình

Hàng năm căn cứ quy trình bảo trì và hiện trạng công trình người có trách nhiệm bảo trì tổ chức lập kế hoạch bảo trì cho năm sau với các nội dung gồm:

a) Tên công việc thực hiện: Duy tu, bảo dưỡng công trình; sửa chữa định kỳ; sửa chữa đột xuất.

b) Thời gian thực hiện: Dự kiến thời gian thực hiện và thời gian hoàn thành theo quy trình bảo trì hoặc theo yêu cầu thực tế đối với sửa chữa đột xuất.

c) Phương thức thực hiện: Người quản lý sử dụng tự tổ chức thực hiện hoặc thuê tổ chức, cá nhân đủ điều kiện năng lực thực hiện.

d) Chi phí bảo trì

- Trường hợp sửa chữa vừa, sửa chữa lớn công trình, thiết bị trước khi lập kế hoạch, người có trách nhiệm bảo trì phải tổ chức kiểm tra và lập biên bản đánh giá hiện trạng công trình làm cơ sở lập dự toán bảo trì (nội dung gồm: Tên bộ phận công trình hoặc thiết bị cần sửa chữa, thay thế; lý do sửa chữa hoặc thay thế, mục tiêu sửa chữa hoặc thay thế; khối lượng công việc sửa chữa, thay thế; kèm theo ảnh chụp hiện trạng nếu có), thành phần kiểm tra gồm: Người có trách nhiệm bảo trì; đại diện người trực tiếp hưởng lợi; cán bộ chuyên môn phụ trách xây dựng cấp xã; đại diện phòng Kinh tế-Hạ tầng cấp huyện (đối với trường hợp sửa chữa lớn công trình, thiết bị).

- Khái toán chi phí bảo trì: Xác định theo suất vốn đầu tư của công trình cùng loại và cùng cấp, áp dụng định mức công việc của công trình tương tự, lập dự toán bảo trì theo Điều 10 Quy định này (trường hợp chi phí sửa chữa công trình, thiết bị từ 500 triệu đồng trở lên sử dụng vốn ngân sách Nhà nước thì người có trách nhiệm bảo trì đề xuất lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo quy trình xây dựng cơ bản hiện hành).

đ) Nguồn vốn bảo trì

Trường hợp sử dụng vốn ngân sách Nhà nước (bao gồm cả nguồn vốn hỗn hợp có sử dụng ngân sách Nhà nước), người có trách nhiệm bảo trì gửi kế hoạch bảo trì về Ủy ban nhân dân xã để tổng hợp kế hoạch vốn bảo trì.

Trường hợp công trình thuộc sở hữu Nhà nước sử dụng nguồn vốn khác để bảo trì thì người có trách nhiệm bảo trì gửi kế hoạch bảo trì về Ủy ban nhân dân xã chấp thuận kế hoạch bảo trì công trình. Người có trách nhiệm bảo trì tự tổ chức thẩm định, phê duyệt dự toán bảo trì và thực hiện bảo trì công trình theo kế hoạch bảo trì đã được chấp thuận.

e) Quy định về thủ tục đối với mức chi phí

Đối với trường hợp sửa chữa công trình, thiết bị có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng trở lên sử dụng vốn ngân sách Nhà nước, thì Ủy ban nhân dân xã tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật và quản lý thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình. Trường hợp sử dụng nguồn kinh phí Chương trình 135 việc tổ chức lập, trình thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật và quản lý thực hiện dự án như dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng theo Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 30 tháng 05 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng hoặc các văn bản hướng dẫn thay thế tại thời điểm có hiệu lực; trường hợp sử dụng vốn nguồn chương trình Nghị quyết 30a/CP thì theo quy trình xây dựng cơ bản hiện hành.

Đối với trường hợp sửa chữa công trình, thiết bị có chi phí dưới 500 triệu đồng sử dụng vốn ngân sách Nhà nước thì Ủy ban nhân dân xã tổ chức lập, trình thẩm định, phê duyệt dự toán bảo trì và quản lý thực hiện bảo trì công trình theo Quy định này.

2. Tổng hợp kế hoạch vốn bảo trì

Trước ngày 15/6 hàng năm trên cơ sở kế hoạch bảo trì theo Khoản 1, Điều này, Ủy ban nhân dân xã tổng hợp kế hoạch vốn bảo trì các công trình trên địa bàn xã gửi phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện.

Trước ngày 30/6 hàng năm Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp kế hoạch vốn bảo trì trên địa bàn tỉnh gửi về Ban Dân tộc tổng hợp (đối với nguồn vốn Chương trình 135), gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (đối với nguồn vốn Nghị quyết 30a/CP).

Điều 9. Quản lý, phân bổ vốn bảo trì

Hàng năm căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách được chính phủ giao, trên cơ sở nhu cầu vốn bảo trì được các huyện tổng hợp, Ban Dân tộc, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập kế hoạch phân bổ vốn cho từng huyện, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, cụ thể:

1. Đối với công trình bảo trì lập dự toán: Quản lý vốn bảo trì thực hiện theo quy định quản lý vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư, việc phân bổ nguồn vốn như sau (phân bổ nguồn kinh phí Nghị quyết 30a/CP trước, nguồn kinh phí Chương trình 135 sau):

- Phân bổ nguồn vốn duy tu, bảo dưỡng của Nghị quyết 30a/CP

Vốn Nghị quyết 30a/CP phân bổ cho huyện = Tổng nguồn vốn bảo trì Nghị quyết 30a/CP x ($\sum$ nhu cầu huyện / $\sum$ nhu cầu các huyện thuộc Nghị quyết 30a/CP).

- Phân bổ nguồn vốn duy tu, bảo dưỡng của Chương trình 135, được thực hiện đối với các huyện trong diện đầu tư theo Nghị quyết 30a/CP trước, như sau:

Vốn Chương trình 135 phân bổ huyện thuộc Nghị quyết 30a/CP = Tổng vốn bảo trì Chương trình 135 x ($\sum$ nhu cầu huyện / $\sum$ nhu cầu toàn tỉnh) - Vốn bảo trì Nghị quyết 30a/CP cấp cho huyện).

- Sau khi phân bổ xong vốn các huyện được đầu tư theo Nghị quyết 30a/CP thì mới phân bổ số vốn còn lại cho các huyện không thuộc diện đầu tư theo Nghị quyết 30a/CP, như sau:

Vốn Chương trình 135 phân bổ cho huyện không thuộc Nghị quyết 30a/CP = Tổng nguồn vốn bảo trì còn lại của Chương trình 135 x ($\sum$ nhu cầu huyện / $\sum$ nhu cầu các huyện không thuộc diện đầu tư Nghị quyết 30a/CP).

- Phần vốn còn thiếu Ủy ban nhân dân các huyện có trách nhiệm huy động nguồn vốn bổ sung (hỗ trợ từ ngân sách cấp huyện, cấp xã; huy động đóng góp của những người hưởng lợi từ công trình).

- Trường hợp tổng nguồn vốn bảo trì từ Nghị quyết 30a/CP và Chương trình 135 lớn hơn tổng nhu cầu công trình bảo trì lập dự toán, phần vốn bảo trì chưa phân bổ hết sẽ tiếp tục phân bổ cho các công trình bảo trì lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo Khoản 2, Điều này.

Riêng năm 2016, phân bổ vốn duy tu bảo dưỡng chương trình 135 theo tỷ lệ vốn đầu tư cơ sở hạ tầng giao cho các huyện.

2. Đối với công trình bảo trì lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật được đầu tư từ nguồn vốn đầu tư phát triển, việc quản lý vốn bảo trì thực hiện theo quy định quản lý vốn đầu tư xây dựng hiện hành.

3. Giao kế hoạch vốn bảo trì

- Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao kế hoạch vốn bảo trì cho các huyện trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

- Ủy ban nhân dân huyện quyết định giao kế hoạch vốn bảo trì (gồm vốn bổ sung nếu có) cho các xã trước ngày 30 tháng 01 của năm sau.

- Quyết định giao kế hoạch vốn bảo trì là căn cứ để Ủy ban nhân dân xã tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự toán bảo trì hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo trì.

Căn cứ vốn được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, Ủy ban nhân dân huyện xây dựng phương án, ra quyết định phân bổ chi tiết từng công trình, từng xã và giao Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

Căn cứ vào Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân xã thông báo công khai vốn đến từng thôn, xóm và nhân dân trong xã biết.

Vốn giao cho các huyện hàng năm không thực hiện hết được chuyển nguồn sang năm sau theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Điều 10. Lập, thẩm định, phê duyệt dự toán bảo trì

1. Lập dự toán bảo trì

Dự toán bảo trì được lập căn cứ trên cơ sở khối lượng các công việc xác định theo kế hoạch bảo trì và đơn giá xây dựng phục vụ bảo trì công trình để thực hiện khối lượng công việc đó. Nội dung và phương pháp lập dự toán áp dụng theo Thông tư số 11/2012/TT-BXD ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí bảo trì công trình xây dựng; Thông tư số 02/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình cơ sở hạ tầng thuộc chương trình phát triển kinh tế-xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi và các quy định của pháp luật về bảo trì công trình, cụ thể:

a) Chi phí bảo dưỡng công trình: Xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) so với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị công trình theo Phụ lục số 1, thông tư số 11/2012/TT-BXD ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ Xây dựng.

b) Chi phí sửa chữa công trình: Khối lượng xác định theo biên bản đánh giá hiện trạng công trình, dự toán lập theo Thông tư số 02/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Bộ Xây dựng. Đối với công trình không có hồ sơ hoàn công và công việc sửa chữa yêu cầu kỹ thuật phức tạp (ảnh hưởng đến kết cấu chịu lực công trình) hoặc sửa chữa lớn có thể thuê tổ chức tư vấn kiểm định lại chất lượng (nếu thấy cần thiết), thiết kế bản vẽ thi công, dự toán sửa chữa công trình.

2. Thẩm định, phê duyệt dự toán bảo trì

a) Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm tổng hợp dự toán bảo trì các công trình trên địa bàn xã, trình Ủy ban nhân dân huyện thẩm định, phê duyệt dự toán bảo trì.

b) Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện chủ trì giúp Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thẩm định dự toán bảo trì và tổng hợp trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt dự toán bảo trì công trình.

c) Dự toán bảo trì được cấp có thẩm quyền phê duyệt là mức kinh phí tối đa được thanh toán từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, trường hợp giá trị quyết toán chi phí bảo trì vượt mức dự toán bảo trì đã được phê duyệt thì người có trách nhiệm bảo trì tự huy động nguồn vốn khác chi trả.

Điều 11. Thực hiện bảo trì và quản lý chất lượng công việc bảo trì

1. Thực hiện bảo trì công trình

Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện bảo trì công trình trên địa bàn xã theo quy trình bảo trì, kế hoạch bảo trì, dự toán bảo trì đã được phê duyệt, việc giao nhận thầu bảo trì công trình thực hiện như sau:

a) Đối với công trình do Ủy ban nhân dân xã quản lý sử dụng, Ủy ban nhân dân xã giao cho tổ chức cộng đồng hoặc nhóm thợ trên địa bàn xã nhận thầu thực hiện bảo trì công trình.

b) Đối với công trình do tổ chức xóm quản lý, Ủy ban nhân dân xã giao cho trưởng xóm tổ chức các hộ gia đình trong xóm thực hiện bảo trì công trình.

c) Trường hợp tổ chức cộng đồng, nhóm thợ, các hộ gia đình trong xóm không đủ điều kiện năng lực, Ủy ban nhân dân xã hợp đồng thuê tổ chức, cá nhân đủ điều kiện năng lực thực hiện.

2. Quản lý chất lượng công việc bảo trì

a) Ủy ban nhân dân xã thành lập ban giám sát xã, tổ chức giám sát công tác bảo trì công trình.

b) Kết quả thực hiện công tác bảo dưỡng công trình phải được ghi chép và lập hồ sơ; ban giám sát xã có trách nhiệm xác nhận việc hoàn thành công tác bảo dưỡng và quản lý trong hồ sơ bảo trì công trình xây dựng.

c) Ban giám sát xã có trách nhiệm tổ chức giám sát, nghiệm thu công tác thi công sửa chữa trong quá trình thực hiện; lập, quản lý và lưu giữ hồ sơ sửa chữa công trình theo quy định của pháp luật về quản lý công trình xây dựng.

Công việc sửa chữa công trình hoàn thành phải được tổ chức nghiệm thu, thành phần gồm: Đại diện Ủy ban nhân dân xã, ban giám sát xã, tổ chức nhận thầu, người quản lý sử dụng, phòng Kinh tế - Hạ tầng Huyện (đối với công việc sửa chữa lớn).

d) Công việc sửa chữa công trình phải được bảo hành không ít hơn 6 tháng.

đ) Ủy ban nhân dân xã lưu giữ hồ sơ bảo trì công trình xây dựng, bao gồm:

- Các tài liệu phục vụ công tác bảo trì, bao gồm quy trình bảo trì công trình xây dựng, bản vẽ hoàn công, lý lịch thiết bị lắp đặt trong công trình và các hồ sơ, tài liệu cần thiết khác phục vụ cho bảo trì công trình xây dựng.

- Kế hoạch bảo trì; dự toán bảo trì.

- Kết quả kiểm tra công trình thường xuyên và định kỳ.

- Kết quả bảo dưỡng, sửa chữa công trình.

- Kết quả kiểm định chất lượng công trình (nếu có).

- Kết quả đánh giá an toàn chịu lực và vận hành công trình trong quá trình khai thác, sử dụng (nếu có).

- Các tài liệu khác có liên quan khác.

Điều 12. Cơ chế thanh toán, quyết toán vốn bảo trì tại Kho bạc Nhà nước

1. Mở tài khoản

- Chủ đầu tư được mở tài khoản thanh toán vốn ngân sách Nhà nước của chương trình 135 và Nghị quyết 30a/CP tại Kho bạc Nhà nước huyện (nơi mở tài

khoản giao dịch của ngân sách xã) theo chế độ mở và sử dụng tài khoản do Bộ tài Chính quy định.

- Hồ sơ mở tài khoản được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 61/2014/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước trong điều kiện áp dụng hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc.

2. Hồ sơ tài liệu chủ đầu tư gửi Kho bạc Nhà nước để kiểm soát, thanh toán

Ngoài hồ sơ mở tài khoản chủ đầu tư gửi Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản, khi thực hiện tạm ứng, thanh toán chủ đầu tư gửi Kho bạc Nhà nước hồ sơ tài liệu như sau:

- Danh mục, dự toán chi tiết cho công tác sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng của xã được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

- Quyết định giao dự toán chi ngân sách Nhà nước hàng năm của Ủy ban nhân dân xã cho chương trình 135, Nghị quyết 30a/CP về hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng, duy tu công trình (chi tiết đến mã CTMTQG, mã chương, mã ngành kinh tế, mã dự án). Trường hợp Kho bạc Nhà nước nhận được dự toán giao của cấp có thẩm quyền không có mã CTMTQG, mã chương, mã ngành kinh tế, mã dự án thì Kho bạc Nhà nước từ chối thanh toán và có văn bản báo cáo cấp có thẩm quyền.

- Quyết định của chủ đầu tư giao cho tổ, đội, nhóm, tổ chức, cá nhân nhận thầu duy tu bảo dưỡng thực hiện công tác sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng.

- Hợp đồng kinh tế giữa chủ đầu tư với đại diện tổ, đội, nhóm, tổ chức, cá nhân nhận thầu duy tu bảo dưỡng.

3. Đối chiếu số liệu, quyết toán vốn

a) Đối chiếu, xác nhận số liệu

- Theo định kỳ hàng quý, Kho bạc Nhà nước huyện thực hiện đối chiếu, xác nhận vào báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán vốn chương trình 135 và Nghị quyết 30a/CP theo mẫu biểu và đề nghị của chủ đầu tư và cơ quan thường trực các chương trình của huyện.

- Kho bạc Nhà nước xác nhận về các chỉ tiêu cơ bản: kế hoạch vốn, dự toán năm, khối lượng công việc thực hiện theo hồ sơ gửi Kho bạc Nhà nước, số đã tạm ứng, thanh toán. Bộ phận kiểm soát chỉ là đầu mối thực hiện đối chiếu cho chủ đầu tư.

b) Quyết toán tại Kho bạc Nhà nước

- Hết năm kế hoạch, Kho bạc Nhà nước xác nhận số vốn thanh toán trong năm, lũy kế số thanh toán từ khởi công đến hết niên độ năm kế hoạch cho từng công trình theo đề nghị của chủ đầu tư.

- Kết thúc xây lắp, hoàn thành bàn giao công trình, Kho bạc Nhà nước xác nhận số vốn đã thanh toán để chủ đầu tư lập báo cáo quyết toán vốn theo quy định.

- Trường hợp số vốn đã thanh toán lớn hơn so với quyết toán được duyệt, Khoa bạc Nhà nước phối hợp với chủ đầu tư thu hồi số vốn chênh lệch của tổ chức, cá nhân nhận thầu và xử lý theo quy định của cấp có thẩm quyền.

- Quyết toán vốn ngân sách Nhà nước hàng năm chương trình 135 của Khoa bạc Nhà nước được thực hiện theo Thông tư số 210/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính về quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm. Đối với nguồn vốn Nghị quyết 30a/CP thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 13. Quyết toán vốn bảo trì tại cơ quan Tài chính

1. Kết thúc công tác bảo trì công trình hoàn thành, chủ đầu tư lập báo cáo quyết toán gửi phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các phòng liên quan thẩm tra trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định phê duyệt quyết toán.

2. Công tác quản lý, quyết toán vốn thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước và một số quy định chi tiết như sau:

Các công trình sau khi thực hiện công tác bảo trì hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, chậm nhất sau 02 tháng Ủy ban nhân dân xã hoặc nhóm cộng đồng quản lý phải thực hiện việc tổng hợp hồ sơ trình phê duyệt quyết toán. Hồ sơ quyết toán vốn duy tu bảo dưỡng, gồm :

- Kế hoạch và quyết định phân bổ, điều chỉnh vốn bảo trì của cơ quan có thẩm quyền.
- Dự toán, thiết kế (nếu có) của công trình bảo dưỡng, sửa chữa được phê duyệt.
- Các hợp đồng, thanh lý hợp đồng duy tu bảo dưỡng.
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc bảo dưỡng, sửa chữa.
- Báo cáo giám sát của ban giám sát xã và ban giám sát cộng đồng.
- Các hóa đơn, chứng từ có liên quan.
- Biên bản bàn giao cho đơn vị quản lý và khai thác sử dụng công trình (đối với công việc sửa chữa phải tạm dừng khai thác sử dụng công trình).

Trong quá trình thẩm tra quyết toán, đơn vị được giao chủ đầu tư có trách nhiệm xuất trình cho cơ quan thẩm tra các tài liệu khác phục vụ công tác thẩm tra quyết toán theo yêu cầu cụ thể.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm các bên liên quan

1. Ban Dân tộc

a) Là cơ quan thường trực Chương trình 135, chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính đề xuất mức vốn hỗ trợ cho từng huyện, trình UBND tỉnh quyết định trong kế hoạch hàng năm.

b) Kiểm tra, chỉ đạo các huyện thực hiện công tác bảo trì công trình đúng quy định.

c) Định kỳ hằng năm, quý, tháng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện công tác bảo trì.

2. Sở Lao động-Thương binh và Xã hội

a) Là cơ quan thường trực Nghị quyết 30a/CP chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính đề xuất mức vốn hỗ trợ cho từng huyện, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trong kế hoạch hàng năm.

b) Kiểm tra, chỉ đạo các huyện thực hiện công tác bảo trì công trình đúng quy định.

c) Định kỳ hằng năm, quý, tháng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện công tác bảo trì.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính, Ban Dân tộc, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất mức vốn hỗ trợ cho từng huyện, cân đối vốn bảo trì trong kế hoạch chi ngân sách hàng năm, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Sở Tài chính

a) Hàng năm căn cứ biên bản thống nhất phân bổ vốn cho các công trình bảo trì thuộc huyện quản lý, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định giao dự toán chi ngân sách cho các huyện để thực hiện.

b) Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát sử dụng, quyết toán vốn bảo trì theo quy định.

5. Kho bạc Nhà nước

a) Hàng năm căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán chi ngân sách cho các huyện; Quyết định của Ủy ban nhân dân các huyện giao dự toán chi ngân sách cho các xã để giám sát chi và thanh toán, quyết toán cho công trình.

b) Tạm ứng cho các công trình khi có đủ thủ tục hồ sơ dự toán theo quy định, mức tạm ứng theo quy định hiện hành.

Thanh toán công trình hoàn thành và thu hồi tạm ứng sau khi Ủy ban nhân dân huyện có quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành.

c) Hướng dẫn thủ tục thanh toán theo các quy định hiện hành cho các huyện, xã.

6. Sở Xây dựng

a) Phối hợp thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định về công tác bảo trì công trình xây dựng theo quy định này.

b) Hướng dẫn về chi phí cho việc lập, thẩm tra và điều chỉnh quy trình bảo trì công trình.

c) Hàng năm thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn xử lý vi phạm việc tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo trì công trình xây dựng chuyên ngành.

7. Các sở: Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương và các sở có liên quan, căn cứ lĩnh vực chuyên môn ngành quản lý hướng dẫn và thực hiện kiểm tra giám sát chất lượng công trình, quy trình, thủ tục đầu tư, thanh toán để cấp huyện, xã thực hiện đúng chế độ quy định của pháp luật.

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Hàng năm trên cơ sở báo cáo nhu cầu bảo trì các công trình của cấp xã, thực hiện kiểm tra thực tế, phê duyệt danh mục công trình cần bảo trì.

2. Căn cứ mức vốn được hỗ trợ và báo cáo kinh tế - kỹ thuật đã được phê duyệt, quyết định mức vốn cụ thể cho duy tu, bảo dưỡng từng công trình.

3. Tổ chức thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn bảo trì.

4. Chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn Chủ đầu tư thực hiện việc bảo trì đúng quy định.

5. Định kỳ hàng tháng, quý, năm báo cáo về Ban Dân tộc, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh hình thực hiện và kết quả công tác bảo trì.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Hàng năm, kiểm tra, tổng hợp nhu cầu bảo trì, trình Ủy ban nhân dân huyện.

2. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của chủ đầu tư theo quy định.

3. Huy động nhân dân đóng góp tiền, ngày công vật liệu thực hiện công tác bảo trì.

4. Công trình thuộc địa phương nào thì sử dụng nhân công địa phương đó để thi công, hạn chế mức thấp nhất việc nhân công địa phương khác.

Điều 17. Trách nhiệm của chủ sử dụng công trình

1. Quản lý, khai thác sử dụng công trình có hiệu quả. Trong trường hợp bị hư hỏng phải làm rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan, quy rõ trách nhiệm để xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Thường xuyên kiểm tra, bảo trì đánh giá chất lượng công trình. Báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân xã nhu cầu bảo trì công trình khi bị xuống cấp, hư hỏng.

Điều 18. Quy định chuyển tiếp

1. Các công trình bảo trì do Ủy ban nhân dân xã, tổ chức xóm quản lý sử dụng đã phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật, dự toán bảo trì trước thời điểm Quy định này có hiệu lực, tiếp tục thực hiện theo các quy định pháp luật đã ban hành. Các công trình chưa phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật, dự toán bảo trì thì thực hiện theo Quy định này.

2. Các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan được chỉ dẫn để áp dụng tại Quy định này nếu có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo nội dung đã sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Trong quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh (là cơ quan thường trực tổng hợp chung), báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Xuân Ánh